

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI

PGS, TS NGUYỄN SINH CÚC*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII và IX của Đảng đã quyết định đường lối, mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HDH) đất nước và coi đó là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới, định hướng và mục tiêu tăng trưởng kinh tế được xác định phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) chung cũng như của từng ngành và lĩnh vực theo hướng CNH, HDH. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định mục tiêu chung đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; để ra mục tiêu về chuyển dịch CCKT đến năm 2005 là: Cơ cấu GDP theo 3 khu vực: nông nghiệp (nghĩa rộng) từ 20 – 22%; công nghiệp và xây dựng 38 – 39% và dịch vụ 41 – 42 %.

Tỷ trọng của lao động nông nghiệp còn khoảng 50%. Đến nay, kế hoạch 5 năm 2001 – 2005 sắp kết thúc, sự nghiệp đổi mới đã gần 20 năm, các mục tiêu đề ra về chuyển dịch CCKT đã thực hiện đến đâu và triển vọng như thế nào?

Dưới đây là kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong 20 năm qua theo các nội dung chủ yếu.

I. Những kết quả đạt được

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân

Kết quả nổi bật về chuyển dịch CCKT quốc dân theo ngành trong gần 20 năm qua là xu hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, ổn định tỷ trọng khu vực dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, nhưng giá trị tuyệt đối của từng ngành đều tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Biểu 1: Cơ cấu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo 3 khu vực (1986 – 2004)

	1986	1990	1995	2000	2003	2004
GDP kinh tế	100	100	100	100	100	100
Khu vực I (Nông, lâm, thủy sản)	38,06	38,74	27,18	24,53	22,54	21,76
Khu vực II (Công nghiệp, xây dựng)	28,88	22,67	28,76	36,73	39,47	40,09
Khu vực III (Dịch vụ)	33,06	38,59	44,06	38,74	37,99	38,15

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2004, NXB Thống kê, H, 2005, tr.21

* Tổng cục thống kê

Ước tính năm 2005, xu hướng chuyển dịch CCKT quốc dân theo GDP về cơ bản vẫn như 4 năm trước đó. Tỷ trọng nông nghiệp (nghĩa rộng) chiếm 20,6%, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng chiếm 41,25% và tỷ trọng dịch vụ chiếm 38,77%. Như vậy về CCKT chỉ có 2 chỉ tiêu đạt được là nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng, còn dịch vụ chưa đạt được.

Trong 20 năm qua, CCKT quốc dân theo ngành kinh tế đã có bước chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ trọng khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) đã giảm gần 17%, từ 38,06% năm 1986 xuống còn 20,6% năm 2005, trung bình mỗi năm giảm 0,85%. Tương tự như vậy, khu vực II (công nghiệp và xây dựng) tăng gần 11%, từ 28,88% lên trên 41,25%, bình quân mỗi năm tăng 0,60%, khu vực III (dịch vụ) tăng từ 5% từ 33% lên trên 38%, bình quân mỗi năm tăng 0,27%. Tốc độ chuyển dịch CCKT những năm qua tuy còn chậm so với yêu cầu song xu hướng chung thời kỳ sau nhanh hơn thời kỳ trước đó. Những năm 1986 – 1990, CCKT chưa chuyển dịch theo hướng tích cực, ngược lại tỷ trọng khu vực I lại tăng 0,68%, tỷ trọng khu vực II lại giảm 0,58% và tỷ

trọng khu vực III tăng 5,53%. Những năm 1991 – 1995, thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 1991 – 2000 theo đường lối CNH, HĐH, CCKT quốc dân đã có bước chuyển dịch nhanh hơn hẳn thời kỳ trước đó. Năm 1995, tỷ trọng khu vực I giảm 6,21%, khu vực II tăng 4,79% và khu vực III tăng 8,34% so với năm 1991. Những năm 1996 – 2000, tỷ trọng khu vực I giảm 4,33%, tỷ trọng khu vực II tăng 7,20% và khu vực III giảm 3,61%. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về đẩy nhanh CNH, HĐH, những năm 2001 – 2005, CCKT quốc dân chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực nhưng tốc độ đã chậm hơn thời kỳ trước đó. Năm 2004, tỷ trọng khu vực I giảm 1,49%, khu vực II tăng 2% và khu vực III gần như không thay đổi. Kết quả đó là những dấu hiệu khả quan của nền kinh tế, vì 2/3 mục tiêu về chuyển dịch CCKT theo ngành do Đại hội IX đề ra cho năm 2005 đã đạt và vượt. Do tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ nên đóng góp của từng ngành trong GDP cũng đã thay đổi, nhất là những năm gần đây.

Biểu 2: Tỷ lệ đóng góp của từng khu vực vào tốc độ tăng GDP cả nước

Đơn vị tính %

Khu vực kinh tế	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng GDP	4,80	6,79	6,89	7,04	7,26	7,06
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	1,20	1,10	0,69	0,91	0,72	0,80
Công nghiệp và xây dựng	2,60	3,46	3,68	3,45	3,86	3,90
Riêng công nghiệp	2,90	2,72	2,81	3,00	3,21	3,20
Dịch vụ	1,00	2,23	2,53	2,68	2,68	3,00

Ước tính năm 2005, GDP tăng 8,4%, trong đó đóng góp của công nghiệp, xây dựng khoảng 4%, dịch vụ khoảng 3,4% và nông nghiệp khoảng 1%.

Trong những năm qua, thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước, CCKT quốc dân đã có nhiều khởi sắc, phát

triển theo hướng đa thành phần và khu vực kinh tế. CCKT quốc dân những năm đổi mới, bên cạnh kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (38 – 39%), thì kinh tế tư nhân, cá thể, tập thể, hỗn hợp, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang phát triển mạnh.

Biểu 3: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế

Thành phần kinh tế	Đơn vị tính %					
	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng số	100	100	100	100	100	100
- Kinh tế Nhà nước	38,74	38,53	38,40	38,31	38,2	39,22
- Kinh tế ngoài quốc doanh	49,06	48,19	47,84	47,78	47,67	45,61
+ Kinh tế tập thể	8,8	8,58	8,06	7,98	7,49	7,11
+ Kinh tế tư nhân	7,1	7,31	7,95	8,3	8,23	8,39
+ Kinh tế cá thể	33,90	32,31	31,84	31,42	31,22	31,5
- Kinh tế có vốn FDI	12,20	13,28	13,75	13,76	14,47	15,17

Năm 2005, cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ước tính như sau: kinh tế nhà nước 38,5%; kinh tế ngoài quốc doanh 47,0% và FDI là 15,5%.

Đáng quan tâm là trong cơ cấu GDP theo thành phần và khu vực kinh tế, tỷ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tập thể và cá thể giảm dần, khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng dần theo thời gian. Các yếu tố trực tiếp tác động đến xu hướng đó là *Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài, Luật đất đai, Luật hợp tác xã...* trong đó mạnh nhất là Luật doanh nghiệp.

CCKT quốc dân theo vùng bước đầu chuyển dịch tích cực. Sự hình thành và phát triển của 3 vùng kinh tế trọng điểm ở 3 miền Bắc, Trung, Nam; các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX), khu kinh tế mở... với phạm vi ngày càng mở rộng và đa dạng, thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước..., đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế quốc dân theo hướng chuyên môn hoá, hợp tác và liên kết kinh tế. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã trở thành vùng kinh tế động lực cả nước, tỷ trọng GDP, kim ngạch xuất khẩu của vùng trong tổng GDP và tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước vốn đã lớn lại không ngừng tăng nhanh. Tỷ trọng GDP của vùng từ 25% trước năm 1999 tăng lên trên 50% năm 2004; tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu từ 30% lên gần 60% trong thời gian tương ứng. Hai vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và miền Trung tuy phát triển chậm hơn song đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thành phố cảng Đà Nẵng, khu công nghiệp Dung Quất,

khu kinh tế mở Chu Lai... đã và đang là điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước góp phần biến tiềm năng của khu kinh tế trọng điểm miền Trung thành hiện thực.

Các khu công nghiệp tập trung phát triển mạnh và hoạt động ngày càng có hiệu quả cả về kinh tế và xã hội. Sau 15 năm (1991 – 2005), cả nước có 125 KCN, KCX, thu hút 2319 dự án đầu tư của 40 nước, vùng lãnh thổ và hàng nghìn dự án đầu tư trong nước. Tại các KCN, KCX đã có 69 dự án đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng các KCN với số vốn hơn 500 triệu USD và 4500 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 500 nghìn lao động. Các KCN ở Đồng Nai, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội đã thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp tích cực vào đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch CCKT, lao động của địa phương và các vùng lân cận. Những năm đầu thế kỷ XXI, các KCN, KCX phát triển mạnh tại các vùng nông thôn thuộc các tỉnh nông nghiệp như Long An, Tây Ninh, Quảng Nam, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, ngoại vi Hải Phòng, Nam Định, Cần Thơ,... góp phần công nghiệp hóa nông thôn và tác động trực tiếp đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp. Bộ mặt các vùng kinh tế của cả nước, kể cả các vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng xa, vùng sâu... ngày càng đổi mới theo hướng văn minh và tiến bộ. Cơ cấu lao động và nghề nghiệp ở các vùng nông thôn thuần nông trước đây đã có bước chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp tăng tỷ trọng công nghiệp

và dịch vụ. Thu nhập và đời sống các tầng lớp dân cư được cải thiện đáng kể. Tiêu biểu cho xu hướng chuyển dịch CCKT quốc dân từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ trong đó có vai trò của các KCN, KCX là tỉnh Bình Dương.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản)

Xu hướng chuyển dịch CCKT trong khu vực I trong những năm qua là chuyển dần từ nền sản xuất mang nặng tính tự cấp, tự túc, thuần nông, năng suất và hiệu quả thấp sang nền sản xuất hàng hóa đa ngành, đa canh, đa sản phẩm, có năng suất và hiệu quả cao trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước và kinh nghiệm sản xuất của từng vùng, từng địa phương. Đó là xu hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản trong tổng giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của toàn khu vực.

Ước tính năm 2005, cơ cấu giá trị sản xuất khu vực I về cơ bản vẫn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản và giảm tỷ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp do tốc độ tăng trưởng của thủy sản là 9,7%, còn nông nghiệp là 5,3% và lâm nghiệp chỉ tăng 0,8% so với năm 2004.

Nội dung của quá trình chuyển dịch CCKT nông, lâm nghiệp và thủy sản trong những năm qua thực chất là chuyển nền sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng từ phương thức độc canh lúa, tự cấp, tự túc lương thực, phân tán, quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế thấp sang nền nông nghiệp đa canh, hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, quy mô lớn, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, môi trường sinh thái bền vững trên phạm vi cả nước, từng vùng, từng địa phương. Xu hướng này ngày càng thể hiện tính ưu việt so với các mô hình cũ trước đó lấy sản xuất lương thực làm mục tiêu, thực hiện bằng được tự túc lương thực, lấy tăng năng suất và tăng sản lượng lúa làm mục tiêu phấn đấu của cả nước cũng như từng địa phương và cơ sở. Nguyên nhân của những khởi sắc đó bắt đầu từ chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn thể hiện trong Nghị quyết 06 của Bộ chính trị (Khóa VIII) và được cụ thể hoá trong Nghị quyết

09/NQ/CP, ngày 15-9-2000, của Chính phủ về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn và tiêu thụ nông sản hàng hóa.

CCKT trong nội bộ khu vực I trong những năm qua đã có bước chuyển từ nông nghiệp sang thủy sản với tốc độ chậm nhưng khá rõ nét. Tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP giảm từ 20,8% năm 1999 xuống còn 16,69% năm 2005, bình quân mỗi năm giảm 1%, trong khi đó giá trị tuyệt đối GDP vẫn tăng bình quân trên 2%/năm. Tỷ trọng lâm nghiệp trong GDP vừa nhỏ bé lại có xu hướng giảm dần từ 1,4% năm 1999, xuống còn 1,1% vào năm 2003, nhưng giá trị tuyệt đối vẫn tăng nhẹ, dưới 1%. Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nhanh nhất là ngành thủy sản. Tỷ trọng thủy sản trong tổng GDP cả nước từ 3,2% năm 1999 lên 4,01% năm 2005 và tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân trên 9%/năm. Đó là nét nổi bật đáng ghi nhận nhất trong chuyển dịch CCKT khu vực I.

3. Chuyển dịch CCKT trong khu vực II (công nghiệp và xây dựng)

Xu hướng chuyển dịch CCKT trong khu vực II những năm qua diễn ra theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và giảm dần tỷ trọng xây dựng trong GDP và trong giá trị sản xuất khu vực. Dự báo năm 2005, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng là 84% và 16%.

Tỷ trọng GDP của ngành công nghiệp trong tổng GDP của khu vực II tăng từ 84,2% năm 1999 lên trên 85% các năm 2003 - 2005, trong khi đó tỷ trọng GDP của ngành xây dựng giảm từ 15,8% xuống còn 15% trong các năm tương ứng là xu hướng tích cực. Nguyên nhân trực tiếp của tiến bộ này là trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HDH cả 2 ngành công nghiệp và xây dựng đều tăng trưởng nhanh, nhưng tốc độ tăng trưởng của công nghiệp bình quân hàng năm của thời kỳ 1999 - 2005 là 16% so với tốc độ tăng 10% của xây dựng.

Trong nội bộ ngành công nghiệp, xu hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất giữa các nhóm ngành và ngành sản phẩm cũng diễn ra khá rõ nét, theo hướng tiến bộ. Ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng lớn (80,3%), ngành công nghiệp khai thác chiếm 15,1% và ngành sản xuất điện, nước chiếm 4,6% (2005).

Những năm qua ngành công nghiệp chế biến có tốc độ tăng trưởng cao và liên tục, giữ cho tỷ trọng công nghiệp chế biến ổn định và tăng so với năm 2000 (năm 2000 chiếm 78,7%; năm 2004 là 80,3% và năm 2005 ước 80,7%).

Ngành công nghiệp chế biến giữ được tỷ trọng cao là do một số ngành sản phẩm mới có điều kiện tăng trưởng sản xuất cao, như sản xuất ô tô năm 2000 chiếm 1,75%; năm 2004 chiếm 3,2%; sản xuất xe máy và các phương tiện vận tải khác từ 3,98% lên 4,05%; sản xuất thiết bị điện, điện tử từ 2,29% lên 2,76%. Một số ngành, do có nhu cầu tăng, điều kiện sản xuất trong nước thuận lợi đã gia tăng sản xuất và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, điển hình là sản xuất kim loại, năm 2000 chiếm 2,72%; năm 2003 là 3,53%; năm 2004 là 3,87%; sản xuất các sản phẩm khác từ kim loại (trừ máy móc thiết bị) từ 3,0% tăng lên 4,2%; may mặc từ 3,42% lên 4,14%.

Ngành công nghiệp khai thác mỏ chiếm tỷ trọng nhỏ và tỷ trọng giảm từ 15,78% năm 2000 xuống còn 15,06% năm 2004. Nguyên nhân chủ yếu là ngành khai thác dầu khí chiếm trên 80% giá trị sản xuất của ngành khai thác, thì tỷ trọng giảm dần từ 13,51% (năm 2000) xuống còn 12,44% (năm 2004); do sản xuất tăng chậm, tỷ trọng giảm dần của ngành dầu khí, nên mặc dù các ngành khai thác khác như khai thác than, thác đá, cát, sỏi và các mỏ khác có tăng cũng không tác động nhiều đến toàn ngành khai thác.

4. Chuyển dịch CCKT trong khu vực III (dịch vụ)

Trong những năm 1991 - 1995, cơ cấu ngành dịch vụ có những thay đổi đáng kể. Ngành thương mại có tốc độ tăng trưởng cao, từ 4,8% năm 1991 tăng lên 11,2% năm 1995 và chiếm tỷ trọng trong GDP nền kinh tế đã theo chiều hướng tăng, từ 12,7% năm 1991 lên 13,2%. Nếu xét trong toàn bộ khu vực dịch vụ, tỷ trọng của ngành thương mại có xu hướng giảm dần, từ 31% năm 1991 xuống còn 29,5% năm 1995. Những năm 1996 - 2003, cơ cấu khu vực dịch vụ đã có những bước chuyển biến tích cực.

Trong 2 năm 2004 và 2005 tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP có tăng so với các năm trước nhưng với tốc độ chậm. Thương mại trên 36%, vận tải, bưu điện trên 12%, tài chính tín dụng 12%.

Trong nội bộ khu vực dịch vụ, CCKT cũng có chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá các ngành dịch vụ, tăng tỷ trọng một số ngành dịch vụ: vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, xuất nhập khẩu, ngân hàng, tư vấn và kinh doanh bất động sản.

Ngành có tỷ trọng tăng dần là thương mại, cơ cấu doanh thu dịch vụ đã có chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng thương mại xuất nhập khẩu tăng nhanh, tỷ trọng nội thương giảm dần nhưng giá trị tuyệt đối về tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ vẫn tăng trung bình 18% trong những năm gần đây (1999 - 2005), nếu trừ tốc độ tăng giá, vẫn còn tăng khoảng 8 - 9%/năm.

Đánh giá tổng quát, trong 20 năm đổi mới, quy mô và tốc độ chuyển dịch CCKT nói chung, kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng CNH, HĐH. Đó là thành tựu to lớn và cơ bản phản ánh sự thành công về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới.

II. Những tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản, CCKT quốc dân nói chung theo GDP và CCKT 3 khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nói riêng vẫn chuyển dịch chậm và không đều giữa các ngành, các vùng và các địa phương. Đến năm 2005, chỉ có 2/3 chỉ tiêu về chuyển dịch CCKT đạt kế hoạch đề ra. Chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch là tỷ trọng dịch vụ còn thấp và có xu hướng giảm dần, không ổn định dù tiềm năng còn rất lớn. Tuy cơ cấu nội bộ ngành dịch vụ đã có biến đổi theo hướng đa ngành, đa sản phẩm, nhưng còn nặng về phát triển các ngành truyền thống như y tế, giáo dục, quản lý nhà nước, du lịch khách sạn, nhà hàng... Sự phát triển một số ngành dịch vụ chất lượng cao của nền kinh tế như tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, khoa học công nghệ, tư vấn và các dịch vụ sử dụng trí tuệ, chất xám... còn chậm. Tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu sản xuất các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp... còn nhỏ bé và tăng chậm. Dịch vụ khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hoá.

(Xem tiếp trang 66)

cám ơn" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với nội dung như sau:

"Tôi vừa tiếp được bức ảnh thêu và phong thư.

Trước hết, tôi cảm ơn tấm lòng thân ái của anh em đối với tôi. Hai là tôi phải khen rằng anh em thêu rất khéo. Bức thêu đó đã tỏ rằng: Thủ công nghệ của nước ta mai sau chẳng những có thể tranh đua mà lại có thể tranh giải nhất của thủ công nghệ trong thế giới. Ba là tôi mong anh em sẽ cho tôi biết cách tổ chức và đời sống của anh em trong trại. Bốn là tôi ước ao rằng: nhờ sự cần và kiệm của anh em, Trại Nhà Nghèo sẽ mau tiến tới thành Trại Nhà Khá, rồi dần dần thành Trại Nhà Giàu để làm kiểu mẫu cho anh em khác.

Chúc anh em gắng sức và mạnh khỏe.

Thân ái

Ký tên:

Hồ - Chí - Minh"

Không thấy ghi thời gian cụ thể Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bức thư trên và Trại nhà nghèo tỉnh Quảng Ngãi nhận được thư của Người lúc nào. Đọc toàn bộ nội dung thư đăng trên báo *Quyết thắng*, chúng ta hiểu được tình cảm, sự quan tâm, động viên khích lệ kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các thành viên Trại nhà nghèo của tỉnh Quảng Ngãi. Hơn thế, còn là dịp để mỗi chúng ta biết thêm một "ước ao" của Hồ Chí Minh: Tất cả người nghèo đều trở thành "Khá" và "Giàu" bằng con đường "Cần", "Kiệm".

60 năm đã trôi qua, song nội dung bức thư này chưa được đưa vào trong *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* và *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Bởi lẽ đó, xin được trân trọng giới thiệu với bạn đọc Tạp chí Lịch sử Đảng bức thư này, trong dịp chúng ta chuẩn bị đón Xuân Bính Tuất 2006, cũng là dịp 60 năm tuổi bức thư của Bác Hồ gửi tới Trại nhà nghèo tỉnh Quảng Ngãi.

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 43)

Sự bất cập này không chỉ trong cơ cấu GDP của nền kinh tế mà là biểu hiện trong từng ngành, từng khu vực sản xuất. Trong công nghiệp, tỷ trọng sản phẩm công nghiệp chất lượng cao, giá thành hạ, có sức cạnh tranh tăng còn ít, tỷ trọng hàng gia công nguyên liệu nhập ngoại còn lớn và tăng dần. Trong nông nghiệp, tỷ suất nông sản hàng hoá chất lượng cao, sạch, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu còn hạn chế. Xu hướng chạy theo năng suất và sản lượng cao còn phổ biến trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, kể cả thủy sản. Tác động của chuyển dịch CCKT đối với tăng hiệu quả kinh tế - xã hội đối với sản xuất và dịch vụ còn chưa rõ nét. Chuyển dịch CCKT chưa gắn kết chặt chẽ với chuyển dịch cơ cấu lao động, dẫn đến lao động dư thừa, tỷ lệ thất nghiệp còn cao, nhưng chậm khắc phục. Tính tự phát, manh mún và tự cấp, tự túc không theo quy hoạch và kế hoạch còn phổ biến ở các ngành, các vùng và các địa phương. Nguyên nhân có nhiều, một phần do khó khăn khách quan, sự biến động bất lợi của thị trường, giá cả thế giới, nhất là giá xăng dầu, sắt thép, dịch SARS, cúm gia cầm, thiên tai, cơ sở hạ tầng thấp kém..., nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trong đó nổi lên vấn đề điều tiết và định hướng của Nhà nước bằng các chính sách kinh tế - tài chính. Các giải pháp kinh tế - tài chính đã ban hành chưa có tác động mạnh mẽ, tích cực thúc đẩy chuyển dịch CCKT nói chung và kinh tế công nghiệp, nông, lâm nghiệp thủy sản và dịch vụ nói riêng. Đầu tư dàn trải, tỷ lệ thất thoát còn lớn, cơ cấu chưa hợp lý trong đó đầu tư cho dịch vụ chưa được quan tâm đúng mức. Quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và giải pháp tổ chức, chỉ đạo về chuyển dịch CCKT chưa đồng bộ nên các ngành, các địa phương còn lúng túng, dẫn đến tự phát, rõ nhất là trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, thủy sản và kinh doanh dịch vụ.